

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/DS-PT
Ngày: 20 - 4 - 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tuấn**.

Các Thẩm phán:

Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

Ông **Trương Vĩnh Hữu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tấn Dũ**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Thúy Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 337/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số AA, AB, Phường 6, AC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thúy C**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1029 ấp 1, xã Đạo Thạnh, AC, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1969 (có mặt);

Bà **Trần Thị E**, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp AD, xã AE, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* bị đơn **Nguyễn Thanh D** và **Trần Thị E**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị B là chị Huỳnh Thị Thúy C trình bày:*

Ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị E là vợ chồng. Bà B và vợ chồng ông D, bà E có thỏa thuận việc bán thức ăn nuôi gà. Bà B bán cho vợ chồng ông D, bà E thức ăn gà với nội dung thỏa thuận khi nào bán xong mỗi đợt gà ông D và bà E sẽ hoàn trả đủ tiền thức ăn gà của đợt gà đó cho bà B.

Sau nhiều lần đòi nợ, ngày 06/10/2016, bà B và phía vợ chồng ông D, bà E tổng kết nợ thì ông D và bà E còn nợ lại bà B tổng cộng là 1.235.000.000 đồng, ông D, bà E có tự tay viết và ký tên Giấy nợ. Sau đó, ông D, bà E có trả cho bà B một phần nợ, tính đến ngày 13/6/2017 thì ông D, bà E còn nợ lại bà B tổng cộng 1.208.000.000 đồng. Ngay sau khi tổng kết nợ, ông D và bà E viết Giấy nhận nợ và có ký tên Giấy nhận nợ ngày 13/6/2017 cho bà B với nội dung thừa nhận còn nợ bà B số tiền 1.208.000.000 đồng tiền thức ăn gà. Vào ngày 17/8/2018 có trả 50.000.000 đồng, ngày 10/5/2019 có trả thêm 10.000.000 đồng. Bà B đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng ông D, bà E vẫn không thực hiện.

Do đó, bà B yêu cầu ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền mua thức ăn gà còn nợ là 1.148.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu đồng), yêu cầu trả lãi chậm trả tính từ ngày 10/5/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất 0,75%/tháng, tạm tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 103.320.000 đồng ($1.148.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 8.610.000 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 103.320.000 \text{ đồng}$). Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị E trình bày:*

Vợ chồng ông D, bà E có chăn nuôi gà lấy trứng. Bà B là nhà phân phối thức ăn chăn nuôi heo, gà, cụ thể là hiệu Emives và Lái Thiêu. Vợ chồng ông D, bà E có mua thức ăn chăn nuôi tại đại lý của bà B từ tháng 9/2012 đến năm 2017 thì bà B đơn phương chấm dứt hợp đồng, không bán cho vợ chồng ông D, bà E nữa. Ngay từ đầu hai bên có thỏa thuận bà B sẽ bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông D, trứng gà mà của vợ chồng ông D thu hoạch được mỗi ngày thì giao cho bà B để cân trừ tiền mua thức ăn chăn nuôi mà vợ chồng ông D còn thiếu. Việc cân trừ này được diễn ra hàng ngày từ khoảng năm 2014 đến năm 2016, có ghi sổ sách, nhưng bà B giữ, chứ vợ chồng ông D không có giữ. Đến năm 2017, trước khi kết thúc việc bán thức ăn thì bà B nói với vợ chồng ông D là bà sẽ không thu gom trứng gà nữa, đồng thời yêu cầu vợ chồng ông D bán gà già. Khi đó vợ chồng ông D bán tất cả gà trong trại được khoảng 4.000 con gà già với số tiền khoảng 235.000.000 đồng, bà B nhận hết số tiền này, nên vợ

chồng ông D không có khả năng tái đàn, nên dẫn đến việc không có tiền để trả nợ thức ăn còn thiếu cho bà B.

Ông D, bà E thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về thời gian mua bán thức ăn chăn nuôi và ngày 06/10/2016, vợ chồng ông, bà tự tay viết và ký tên vào giấy nợ B tổng số tiền 1.235.000.000 đồng. Sau đó, ông, bà có trả cho bà B một phần nợ và tính đến ngày 13/6/2017 thì ông, bà còn nợ lại bà B số tiền 1.208.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc viết và ký tên vào Giấy nhận nợ ngày 13/6/2017 là do bị Công ty thu hồi nợ Tít Tắc ép buộc chứ thực tế số tiền nợ không đến 1.208.000.000 đồng, nên sau khi viết, ký giấy nợ thì ông, bà có báo sự việc cho chính quyền địa phương. Ngày 17/8/2018, ông, bà có trả cho bà B 50.000.000 đồng và ngày 10/5/2019 trả 10.000.000 đồng, nên số tiền thực nợ còn 1.148.000.000 đồng.

Do bà B hứa nếu mỗi tháng vợ chồng ông, bà trả 10.000.000 đồng thì bà B chỉ yêu cầu trả 1.000.000.000 đồng, nên ông, bà chấp nhận trả cho bà Tường số tiền 1.000.000.000 và xin trả dần mỗi năm 60.000.000 đồng (04 tháng trả một lần 20.000.000 đồng) cho đến khi hết nợ.

Bản án sơ thẩm số: 337/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, các điều 92, 147, 220, 227, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468, 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

- Buộc ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ thức ăn chăn nuôi là 1.148.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu đồng*); Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật;

- Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bà Nguyễn Thị B. Bà Nguyễn Thị B không được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 01/10/2020, ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị E có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông, bà được trả nợ dần mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh D và bà Trần Thị E có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Chị Huỳnh Thị Thúy C – Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị B có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là không phù hợp qui định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua lời trình bày của các bên đương sự, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Từ tháng 9/2012 đến tháng 6/2016, bà Nguyễn Thị B có bán thức ăn nuôi gà cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị E bằng hình thức ghi nợ, thanh toán tiền mua thức ăn sau mỗi đợt xuất bán gà. Tính đến ngày khởi kiện, vợ chồng ông D, bà E còn nợ bà B số tiền mua bán thức ăn cho gà là 1.148.000.000 đồng.

[2] Các bị đơn ông D, bà E kháng cáo cho rằng, do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin xem xét trả nợ dần mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu kháng cáo xin trả nợ dần của ông D, bà E không được nguyên đơn chấp thuận và ông, bà cũng không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài các tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, ý kiến của nguyên đơn và quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp qui định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận như đã nhận định, nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị E; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 337/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các điều 428, 429, 431, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ thức ăn chăn nuôi 1.148.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị E phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 46.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 46.740.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0004251 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang, nên ông D, bà E phải nộp tiếp số tiền 46.440.000 đồng án phí.

- Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự. Hoàn lại cho bà B số tiền 24.769.800 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003847 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn